

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 15-3-2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Nhân.

2. Ông Vương Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Khánh Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2020/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2020, về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **LẠI THỊ L**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn 18, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

(chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **NGUYỄN MẠNH H**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn 18, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

(anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Biên bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **LẠI THỊ L** trình bày: Tôi và anh **NGUYỄN MẠNH H** sau một thời gian quen biết tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y (nay là xã K, thành phố T), tỉnh Tuyên Quang vào ngày 09 tháng 3 năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn 18, xã K, huyện Y (nay là xã K, thành phố T), tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2006 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng mâu thuẫn căng thẳng, nên vợ chồng sống ly thân nhau hơn 10 năm nay.

Tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, vợ chồng không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh **NGUYỄN MẠNH H**.

Về con chung: Tôi và anh H có 02 người con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/12/1999 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/12/1999, hiện con chung của chúng tôi đã trưởng thành có gia đình riêng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi và anh H không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và anh H không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ chị L cung cấp cho Tòa án:

- 01 (Một) bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn số: 15; Quyền số 05, ngày 09/3/2005 của UBND xã K, huyện Y (nay là xã K, thành phố T), tỉnh Tuyên Quang, đối với anh NGUYỄN MẠNH H và chị LẠI THỊ L.

- 02 (Hai) bản sao có chứng thực Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/12/1999 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/12/1999.

- 01 (Một) bản sao Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ NGUYỄN MẠNH H.

Anh H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị L và anh H được biết: Chị L và anh H là vợ chồng, có hộ khẩu thường trú tại thôn 18, xã K, huyện Y (nay là xã K, thành phố T), tỉnh Tuyên Quang. Hiện tại chị L và anh H đi làm ăn ở xa thì thoảng có về thăm gia đình. Về tình cảm vợ chồng thời gian đầu sống hạnh phúc đến khoảng năm 2005 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và kinh tế gặp khó khăn. Anh H đi làm ở tỉnh Thái Nguyên; chị L đi làm ở miền Nam, vợ chồng sống ly thân không ai còn quan tâm đến nhau. Nay chị L có đơn xin ly hôn với anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị L và anh H có 02 người con chung là Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị H, cùng sinh ngày 03/12/1999. Tài sản chung; cho vay và vay nợ chung chị L, anh H không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự, và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phân tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định; ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là chị L đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là anh H chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 147; Điều 207; 227; 228; Điều 235; 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị LẠI THỊ L được ly hôn với anh NGUYỄN MẠNH H.

- Về con chung của chị L và anh H là Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/12/1999 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/12/1999, hiện 02 người con con chung đã trưởng thành có gia đình riêng, đương sự không có yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung không có, đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết.
- Chị L phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H không phải chịu tiền án phí.
- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị LẠI THỊ L và anh NGUYỄN MẠNH H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y (nay là xã K, thành phố T), tỉnh Tuyên Quang vào ngày 09 tháng 3 năm 2005, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Về tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2006 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng mâu thuẫn căng thẳng, nên vợ chồng sống ly thân nhau hơn 10 năm nay. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị L và anh H có mâu thuẫn căng thẳng, đòi sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế vợ chồng sống ly thân nhau hơn 10 năm nay, nên chấp nhận toàn bộ đơn và yêu cầu của chị L là được ly hôn với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung chị L và anh H là Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/12/1999 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/12/1999, hiện 02 người con con chung đã trưởng thành có gia đình riêng, đương sự không có yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung không có, đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với anh H quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Qua xác minh được biết hiện nay anh H đang đi làm ở tỉnh Thái Nguyên (không rõ địa chỉ cụ thể) chỉ thi thoảng mới về gia đình, nên anh H không có mặt ở địa phương. Do vậy không lấy được ý kiến của anh H và anh H thuộc trường hợp cố tình che giấu địa chỉ, nên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, giải quyết việc chị L xin ly hôn với anh H theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Anh H không phải chịu tiền án phí.

[8] Nguyên đơn là chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt chị L và anh H theo Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207; 227; 228; khoản 1 Điều 235; 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị LẠI THỊ L được ly hôn với anh NGUYỄN MẠNH H.

2. Về án phí: - Chị LẠI THỊ L phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000736 ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị LẠI THỊ L đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh NGUYỄN MẠNH H không phải chịu tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị LẠI THỊ L và anh NGUYỄN MẠNH H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND P. Mỹ Lâm (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

